

## MỘT SỐ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 (KHÓA X) VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

**TS. VÕ KHẮC SƠN**

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

**T**hực tiễn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc cũng như quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đều khẳng định tầm vóc chiến lược của vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chính vì vậy, Đảng ta luôn đặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

Với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hoà giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường

sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Nghị quyết 26 của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, 5 năm qua, tỉnh Quảng Bình đã triển khai thực hiện Nghị quyết đồng bộ trên tất cả các mặt, các lĩnh vực, đã đạt được những kết quả nhất định góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển và nâng cao đời sống người nông dân. Trong thành tích chung đó, khoa học và công nghệ đã đóng góp những kết quả không nhỏ thực hiện thành công Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông



Ảnh minh họa

ng nghiệp, nông thôn, nông dân.

**Kết quả triển khai công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp**

Được sự quan tâm của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực của cán bộ ngành khoa học và công nghệ, công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2008-2013 đã được đẩy mạnh phục vụ cho các chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhiều đề tài, dự án đã được triển khai nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả nhằm mục tiêu tăng năng suất, chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả giá trị sản xuất nông nghiệp. Các đề tài thuộc lĩnh vực kinh tế tổng hợp, nông lâm ngư nghiệp tập

số giống vật nuôi có chất lượng cao cũng đã được đưa vào nuôi thử nghiệm thành công như: gà Sao, gà Ác, gà Hmông.

Các đề tài thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp tập trung vào việc triển khai các dự án sản xuất thử, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thiết bị tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất vùng nông thôn đầu tư mở rộng sản xuất, tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh; nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống từng bước được phục hồi góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trong xã hội, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp ngày càng đa dạng, mẫu mã được cải tiến nên được thị trường chấp nhận tiêu thụ ngày càng nhiều. Nhiều sản phẩm như nước mắm, nấm

**Bảng 1: Số lượng đề tài, dự án nghiên cứu khoa học triển khai giai đoạn 2008 - 2013 trên lĩnh vực nông nghiệp**

Năm	Tổng số đề tài, dự án cấp tỉnh				Tổng số
	Trồng trọt	Chăn nuôi	Thủy sản	Tổng hợp	
2008	1	1	2		16
2009	1		2	1	
2010	1			1	
2011		1			
2012	2		1		
2013	1		1		
<b>Cộng</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	

trung vào việc khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao, ứng dụng các kỹ thuật, quy trình mới trong sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, tăng hiệu quả đầu tư. Nhiều giống thủy sản được sinh sản nhân tạo thành công và chủ động được giống nuôi tại địa phương như: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển, cá rô đồng, cá lóc, cá đối mực, các lăng chám... Một

ăn, phân bón vi sinh... được thị trường trong cả nước chấp nhận.

Một số đề tài nghiên cứu khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp trong giai đoạn 2008 - 2013 đã phát huy được hiệu quả cao và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất như: Đề tài: “Nghiên cứu xây dựng mô hình nông nghiệp sinh thái trên vùng đất cát huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình” đã xây dựng thành công các mô hình sản xuất nông nghiệp tổng hợp có hiệu quả kinh tế

giải pháp nhằm phát huy vai trò, hiệu quả của hệ thống nhà văn hóa trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới ở Quảng Bình.

Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và đối tượng thực hiện là thôn, bản, khu phố vận dụng vào quá trình triển khai hoạt động đảm bảo đúng quy định, phát huy được vai trò của nhà văn hóa thôn, bản, khu phố trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh ta hiện nay. Đây cũng là cơ sở, một trong những tiêu chí xây dựng thành công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Kết quả triển khai ứng dụng các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi: Các dự án thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2011-2015” đã đạt được một số kết quả đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương vùng nông thôn, miền núi. Nhiều mô hình đã được duy trì và phát triển rộng rãi trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, trở thành tập quán sản xuất của nhân dân ở địa bàn thực hiện dự án. Trong giai đoạn 2008-2013, trên địa bàn tỉnh đã triển khai 5 dự án, với tổng số kinh phí đầu tư: 14.139.060.000 đồng.

Các dự án của Chương trình đã thực sự tạo được điểm sáng về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực trên địa bàn thực hiện dự án, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, từng bước hình thành thị trường công nghệ ở nông thôn, tạo đà cho việc ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi. Kết quả Chương trình đã được duy trì và nhân rộng, làm tiền đề cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương; nâng cao hiểu biết, niềm tin và ý thức của người dân trong việc ứng dụng các

tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Chương trình đã góp phần cùng với các chương trình khuyến nông, khuyến ngư phát triển các sản phẩm hàng hoá có lợi thế của các vùng, hình thành và phát triển ngành nghề nông thôn ở địa phương như chế biến phân bón từ rác thải sinh hoạt, sản xuất giống nấm và nấm thương phẩm, sản xuất giống cá và nuôi thương phẩm cá đối mục..., tạo việc làm và tăng thu nhập cho hàng triệu lao động ở khu vực nông thôn, miền núi.

Các dự án Chương trình nông thôn miền núi thực hiện có hiệu quả như: “*Xây dựng mô hình phát triển sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mục tại tỉnh Quảng Bình*” đã tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong việc nâng cao tỷ lệ sản xuất giống cá đối mục và xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá đối mục, cung cấp loại cá có chất lượng, giá trị kinh tế cao ra thị trường. Dự án: “*Mô hình Ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời vào một số xã đặc biệt khó khăn tại Quảng Bình*” đang triển khai trên địa bàn các xã miền núi. Kết quả ban đầu của dự án đã chuyển giao và lắp đặt các hệ thống cung cấp nước nóng, điện sinh hoạt cho trạm y tế, trường học và các hộ dân đạt kết quả cao, sử dụng có hiệu quả trên các địa bàn chưa có lưới điện quốc gia.

#### **Công tác nhân rộng và triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp**

Nhằm đẩy mạnh hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện, thành phố, giai đoạn 2008 - 2013, Sở Khoa học và Công nghệ đã cho triển khai thực hiện 18 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với tổng số kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ đầu tư là 1.683.786.200 đồng. Qua kết quả đánh giá nghiệm thu cho thấy các mô hình đều thực hiện đúng tiến độ và nội dung được phê duyệt theo đề cương. Các mô hình triển khai

**Bảng 2: Kinh phí đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2008 - 2013**

Năm	Tổng số kinh phí sự nghiệp KH&CN (đồng)
2008	1.635.876.000
2009	1.703.768.000
2010	1.352.704.000
2011	803.415.000
2012	1.015.600.000
2013	691.172.000
<b>Tổng số</b>	<b>7.202.535.000</b>

cao được nhân rộng trong các hộ dân đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, từng bước xây dựng nền nông nghiệp sinh thái bền vững. Đề tài: “*Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, phát triển, hiệu quả kinh tế, xác định hướng sử dụng giống lợn Khùa ở vùng miền núi tỉnh Quảng Bình*” đã đánh giá, lựa chọn được giống thuần lợn Khùa bản địa, nghiên cứu khả năng sinh trưởng phát triển, khả năng sinh sản của giống lợn Khùa, xây dựng mô hình lai giống lợn Khùa thuần và lai giống giữa lợn Khùa thuần với lợn đực rừng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt lợn lai. Kết quả của đề tài đã góp phần bảo tồn giống lợn Khùa bản địa và cung cấp giống lợn Khùa có chất lượng ra thị trường, lai tạo ra giống lợn mới thúc đẩy ngành nghề chăn nuôi phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đề tài: “*Phát triển kinh tế hộ, trang trại cho các vùng định canh, định cư và kinh tế mới ở hai huyện Tuyên Hoá và Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình*” đã đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế hộ, trang trại tại 2 huyện miền núi, xây dựng 04 mô hình nông lâm ngư kết hợp (mô hình “trồng lạc năng suất cao”, mô hình “trồng cỏ VA06”, mô hình “nuôi gà thả vườn”, mô hình “nuôi cá nước ngọt”) ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nâng cao kiến thức cho người dân làm kinh tế hộ gia đình và

trang trại, từ đó làm cơ sở nhân rộng cho người dân trong vùng tham gia phát triển kinh tế, ổn định nơi ở, an tâm phát triển sản xuất một cách bền vững góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân.

Đề tài: “*Nghiên cứu khảo nghiệm một số giống lúa mới chất lượng cao tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình*” đã tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình sử dụng các giống lúa, biện pháp canh tác trọng địa ban huyện, tìm ra điểm mạnh và yếu của địa phương trong sản xuất lúa. Đề ra giải pháp phù hợp cho việc thâm canh tăng năng suất lúa.

Kết quả đề tài đã khảo nghiệm chọn được 2 giống mới lúa năng suất, chất lượng cao (NH3, G251) có giá trị thương phẩm cao và đưa ra quy trình kỹ thuật canh tác của 2 giống lúa phù hợp với điều kiện canh tác của địa phương, thúc đẩy người nông dân sử dụng các giống lúa chất lượng cao có tiêu chuẩn xuất khẩu, qua đó góp phần nâng cao giá trị kinh tế của nghề trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nói chung và trên địa bàn huyện Lệ Thủy nói riêng.

Đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực xã hội: “*Vai trò của nhà văn hóa thôn, bản, khu phố ở tỉnh Quảng Bình trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, thực trạng và giải pháp*” đã đánh giá thực trạng xây dựng và hoạt động của hệ thống nhà văn hóa thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; từ đó đề xuất các

ứng dụng đều thành công cả về tính khoa học và hiệu quả kinh tế, việc xây dựng các mô hình đã tạo ra ngành nghề mới, tăng thêm đối tượng cây trồng, vật nuôi trên địa bàn các huyện, thành phố.

Các mô hình, dự án cấp cơ sở đã thực hiện hiệu quả, có khả năng phát triển và nhân rộng kết quả ứng dụng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, giải quyết công ăn việc làm, đa dạng ngành nghề nông thôn, nâng cao thu nhập cho người lao động cụ thể:

- Mô hình thâm canh lúa chất lượng cao QR1 và TBR45 trong vụ Hè - Thu 2011 tại huyện Bố Trạch: Hiệu quả kinh tế đưa lại sau khi trừ các khoản chi phí, lợi nhuận đối với giống lúa QR1 lãi 12.475.000 đ/ha; đối với giống lúa TBR45 lãi 21.380.000 đ/ha. Thu nhập của bà con nông dân tăng lên so với các giống lúa thường hay trồng trên địa bàn (giống lúa Xuân Mai, HT1).

- Mô hình trồng Ngô ngọt Thái Lan tại HTX Đức Ninh (sau khi trừ chi phí lợi nhuận trồng Ngô ngọt Thái Lan thu được 120.160.000 đ/ha, lãi cao gấp 5-6 lần so với trồng lúa).

- Mô hình phát triển nghề mây xiên mỹ nghệ xuất khẩu trên địa bàn huyện Quảng Trạch (Mô hình đã tạo thêm công việc cho bà con nông dân và tận dụng được công lao động

nhàn rỗi, bình quân thu nhập 1.300.000 đồng/người/tháng).

- Mô hình nuôi thương phẩm và cho nhân giống các giống gà Sao, gà Ác, gà Hơng trên địa bàn Đồng Hới, Lệ Thủy, Minh Hóa: Bước đầu cho thấy các loại giống gà trên thích ứng với khí hậu thời tiết ở tỉnh ta. Hiện tại Trung tâm Giống vật nuôi đã cung cấp giống gà Sao cho nhiều huyện trên địa bàn trong tỉnh (Đồng Hới, Tuyên Hóa, Minh Hóa, Lệ Thủy). Về gà thương phẩm ban đầu bà con chưa quen với các loại gà trên, nhưng qua tuyên truyền tiếp thị các nhà hàng và người dân đã sử dụng và công nhận thịt các loài gà này ngon không kém gà kiến của ta và giá bán cũng cao hơn.

- Mô hình: “Xây dựng mô hình phát triển vườn ươm giống cao su RRIM 712, RRIM 600, RRIC 100” đã cung cấp giống cây cao su tại chỗ, đảm bảo chất lượng cho Chương trình phát triển Cao su của tỉnh. Mô hình: “Xây dựng mô hình vườn ươm giống Keo lai giảm hom, tại xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa” đào tạo cho người nông dân tiếp thu được kỹ thuật và sản xuất được giống keo lai bằng phương pháp giảm hom đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh, cung cấp giống lâm nghiệp phục vụ công tác trồng rừng kịp thời, rút ngắn thời gian thu hoạch.

Nguồn kinh phí đối ứng của địa phương, các tổ chức, cá nhân thực hiện mô hình chủ yếu

**Bảng 3. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đã đầu tư thực hiện giai đoạn 2008 - 2013**

TT	Thời gian thực hiện	Số lượng mô hình	Kinh phí SNKHCN
1	2008 - 2009	05 mô hình	149.075.500 đ
2	2009 - 2010	04 mô hình	337.926.000 đ
3	2010 - 2011	03 mô hình	282.580.000 đ
4	2011 - 2012	06 mô hình	508.055.000 đ
5	2012 - 2013	02 mô hình	294.329.200 đ
<b>Tổng cộng</b>		<b>18 mô hình</b>	<b>1.683.786.200 đ</b>

cho các nội dung như: Nhà xưởng, mặt bằng đất, nhân công... chiếm khoảng 30-70% tổng kinh phí thực hiện dự án, mô hình.

**Công tác thông tin, chuyển giao các tiến bộ khoa học cho người nông dân**

Công tác tin học và thông tin khoa học và công nghệ tập trung vào việc thực hiện các chuyên mục định kỳ trên sóng phát thanh truyền hình và báo Quảng Bình nhằm tuyên truyền các thành quả của khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Phổ biến các tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống. Xuất bản định kỳ các tập san thông tin khoa học công nghệ (hiện nay là Tạp chí Thông tin KH&CN) về các giống mới, biện pháp kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp cho bà con nông dân.

Hoạt động tin học đã bám sát các mục tiêu quốc gia, trong đó chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành và quản lý, thực hiện tốt việc cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu thư viện điện tử tổng hợp của các ngành; kết quả các đề tài dự án sau khi nghiệm thu được chuyển giao ứng dụng và cập nhật thành tài liệu điện tử phục vụ công tác lưu trữ, tra cứu; Trung tâm Tin học và Thông tin khoa học công nghệ đã tham gia và hoàn thành tốt các hoạt động công nghệ thông tin của tỉnh. Giai đoạn 2008-2013, Sở KH&CN đã lắp đặt thư viện điện tử cho 5 xã trên địa bàn tỉnh nhằm khai thác các thông tin khoa học và công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật, hướng dẫn cụ thể các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho bà con nông dân phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hoạt động khoa học và công nghệ trong giai đoạn 2008-2013 đã có những bước chuyển biến tích cực và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, trong đó phục vụ có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Góp phần cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch khai thác và sử dụng hợp lý và



Lãnh đạo sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra mô hình gà tại huyện Minh Hóa

Ảnh: TL

tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; đào tạo và nâng cao trình độ nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc; đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh.

Các đề tài, dự án chủ yếu tập trung vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung đầu tư nghiên cứu vào lĩnh vực nông nghiệp, nhiều đối tượng giống cây trồng vật nuôi mới đã được đưa vào ứng dụng góp phần đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, tạo thêm công ăn việc làm cho người nông dân, nâng cao giá trị thu nhập của người nông dân trong sản xuất nông nghiệp. Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã được triển khai sâu rộng đến tận cơ sở, các mô hình, dự án nhân rộng đã phục vụ thiết thực cho chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Công tác thông tin khoa học và công nghệ đã từng bước hiện đại hoá, chất lượng thông tin phong phú và phản ánh kịp thời các hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn. Công tác hoạt động, phổ biến, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã được chú trọng đúng mức, nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và mang lại hiệu quả thiết thực ■